

**HỘI NGHỆ CÁ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
CHI HỘI NGHỆ CÁ NUÔI CÁ LỒNG VINH HIỀN**



**PHƯƠNG ÁN
CẤP QUYỀN KHAI THÁC THỦY SẢN ĐÀM PHÁ CHO
CHNC NUÔI CÁ LỒNG VINH HIỀN - XÃ VINH HIỀN**

Đơn vị xin cấp quyền

CHNC Nuôi cá lồng Vinh Hiền

UBND xã Vinh Hiền



**Đơn vị Hỗ trợ Kỹ thuật
Dự án IMOLA**

Vinh Hiền, tháng 01 năm 2011

MỤC LỤC

PHẦN 1	3
TƯ CÁCH PHÁP NHÂN VÀ NĂNG LỰC CỦA CHI HỘI NGHỀ CÁ	3
1.1 Tổ chức Chi hội Nghề cá Nuôi cá lồng (CHNC NCL) Vinh Hiền	3
1.2 Hoạt động của CHNC cho đến nay	3
1.3 Tình hình tài chính của các CHNC	4
1.4 Thành lập Ban đồng quản lý	4
PHẦN 2:	5
HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG MẶT NƯỚC TRONG KHU VỰC CHNC.....	5
2.1 Hoạt động khai thác thủy sản	5
2.2 Hoạt động nuôi trồng thủy sản	5
PHẦN 3	7
KHU VỰC ĐỊA LÝ ĐỀ XUẤT GIAO QUYỀN KHAI THÁC THỦY SẢN	7
3.1 Cơ sở pháp lý	7
3.2 Tọa độ địa lý của các vùng trong phạm vi giao quyền sử dụng mặt nước.....	8
3.2.1 Khu vực đề xuất giao quyền cho CHNC	8
3.2.2 Vùng thủy lộ, vùng đệm ranh giới xã và vùng đệm đường bờ.....	9
3.2.3 Vùng nuôi cá lồng	10
3.2.4 Vùng nuôi nhuyễn thể	10
3.2.5 Vùng nuôi ốc hương.....	11
3.2.6 Vùng khai thác chung.....	11
PHẦN 4	12
PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ NGHỀ NGHIỆP VÀ QUẢN LÝ NGUỒN LỢI THỦY SẢN ĐÀM PHÁ	12
4.1 Quy chế quản lý tài nguyên vùng đầm đối với mỗi vùng chuyên biệt.....	12
4.1.1 Vùng thủy lộ, vùng đệm ranh giới xã và đệm ven bờ đầm phá.....	12
4.1.2 Nuôi cá lồng	12
4.1.3 Vùng nuôi nhuyễn thể	13
4.1.4 Vùng nuôi ốc hương.....	13
4.1.5 Vùng khai thác chung.....	14
4.2 Quy định về hệ thống phí sử dụng tài nguyên	16
4.3 Quy chế xử lý vi phạm.....	17
4.4 Quy chế hoạt động đội tuần tra	18
4.5 Quy chế quản lý xung đột	18
4.6 Phối hợp với các quy chế khác của CHNC	18
4.7 Điều chỉnh quy chế.....	18
PHẦN 5	19
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG	19
5.1 Kế hoạch hoạt động chung và lịch thực hiện	19
5.2 Đăng ký người sử dụng và thu phí	20
5.3 Sắp xếp lại hoạt động NTTS	20
5.4 Tuần tra trên mặt nước đầm phá	20
5.5 Các hoạt động bảo vệ và bảo tồn	20
5.6 Các hoạt động tuyên truyền.....	20
5.7 Cắm mốc bổ sung.....	21
5.8 Các hoạt động kinh tế của CHNC	21
PHỤ LỤC	22

PHẦN 1

TƯ CÁCH PHÁP NHÂN VÀ NĂNG LỰC CỦA CHI HỘI NGHỀ CÁ

1.1 Tổ chức Chi hội Nghề cá Nuôi cá lồng (CHNC NCL) Vinh Hiền

CHNC NCL Vinh Hiền được thành lập vào ngày 05/01/2010 theo Quyết định số 01/QĐ về thành lập CHNC NCL Vinh Hiền do Tỉnh hội nghề cá ban hành (Phụ lục 1). Điều lệ CHNC NCL Vinh Hiền đã được Ủy ban nhân dân xã thông qua theo Quyết định số 08/QĐ/UB ngày 27/02/2010 (Phụ lục 2).

CHNC NCL Vinh Hiền hoạt động khai thác thủy sản và nuôi trồng thủy sản. CHNC hiện có 86 hội viên (tính đến ngày 20/12/2010) với Ban chấp hành gồm năm thành viên (Phụ lục 3 và 4). CHNC được phân thành ba phân hội dựa trên nghề nghiệp hoạt động và vị trí địa lý.

1.2 Hoạt động của CHNC cho đến nay

- Tổ chức Đại hội Chi hội ngày 16 tháng 02 năm 2009;
- Phân vùng nuôi cá lồng cho các phân hội;
- Tập huấn và nâng cao nhận thức: Tổ chức 10 lớp tập huấn nâng cao nhận thức cho hội viên về kỹ thuật nuôi trồng thủy sản, 2 lớp kỹ năng quản lý cho Ban chấp hành chi hội;
- Tổ chức vệ sinh môi trường và các sự kiện bảo vệ môi trường như Ngày Trái đất 22 tháng 4 năm 2009;
- Cắm mốc mặt nước khu vực bảo vệ vùng rong câu;
- Tổ chức các lễ hội truyền thống: đua thuyền, lễ cầu ngư v.v...
- Tổ chức hội nghị giữa nhiệm kỳ để đánh giá, tổng kết các hoạt động của Chi hội và chia tách CHNC NTTS Vinh Hiền thành 2 CHNC là CHNC NTTS Vinh Hiền và CHNC NCL Vinh Hiền.
- Tổ chức phân vùng mặt nước trong phạm vi quản lý của chi hội.

1.3 Tình hình tài chính của các CHNC

Tình tài chính của CHNC NCL Vinh Hiền được thể hiện qua bảng sau:

STT	Nội dung	Thành tiền (đồng)
A	Tổng thu	5,670,000
1	Thu tách hội	2,400,000
2	Hội phí:	3,200,000
3	Nguồn thu khác	100,000
B	Tổng chi	1,566,000
1	Chi 20% hội phí cho các phân hội	666,000
2	Các khoản khác	900,000
C	Quỹ còn lại(A-B)	4,194,000

1.4 Thành lập Ban đồng quản lý

Ban đồng quản lý (BĐQL) được thành lập ở xã Vinh Hiền vào ngày 18 tháng 01 năm 2010 đóng vai trò là đơn vị điều phối giữa CHNC và chính quyền địa phương. Thông tin chi tiết về BĐQL được nêu trong Phụ lục 5.

PHẦN 2: HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG MẶT NƯỚC TRONG KHU VỰC CHNC

CHNC NCL Vinh Hiền có diện tích mặt nước 224 ha. Trong đó, mặt nước thuộc đầm phá Cầu Hai 202,5 ha và 21,5 ha thuộc vùng đầm Hải Bình. Mặt nước của chi hội thông với biển nên độ mặn cao và có nhiều nguồn lợi thủy sản nên hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản cũng phong phú.

2.1 Hoạt động khai thác thủy sản

Hoạt động khai thác thủy sản của chi hội bao gồm ngư cụ cố định như đáy, rờ, chuôm đá và ngư cụ di động như lừ, lưới rê, soi, câu, dẩy.

- Đáy: có khoảng 15 miệng đáy tự phát khai thác vi phạm đường giao thông thủy, các hộ ngư dân này đều là hội viên của chi hội; có trên 15 miệng đáy tham gia khai thác trên mặt nước của chi hội và chủ của các miệng đáy này là ngư dân xã Lộc Bình, họ chưa là hội viên của chi hội.

- Rờ: có 4 trộ rờ khai thác trong phạm vi hành lang của giao thông thủy.

- Chuôm đá: Mặt nước của chi hội có các cồn cạn nên thuận lợi để đặt chuôm đá, có khoảng 40 hộ tham gia đặt chuôm đá với khoảng 3000 trộ chuôm đá.

- Lừ: 90 hộ khai thác bằng nghề lừ, mỗi hộ trung bình có khoảng 100 chiếc lừ.

- Nghề lưới bạc khoảng 60 hộ với khoảng 1800 tay lưới bạc, chiều dài ước tính 90 km.

- Câu 25 hộ, các hộ này nằm ngoài hội viên.

2.2 Hoạt động nuôi trồng thủy sản

- Nuôi cá lồng: Hiện có khoảng 350 lồng nuôi cá, đối tượng chủ yếu là những loài cá nước lợ có giá trị kinh tế như cá Mú, cá Vầu, cá Hồng...

- Nuôi ốc hương: Hiện nay, trên mặt nước của chi hội khoảng 10 hộ nuôi ốc hương với 1 triệu con giống. Nghề nuôi ốc hương có thể mang lại thu nhập cao cho hội viên song tình hình dịch bệnh thường xuyên bị đe dọa, giá bấp bênh thường bị thương lái ép giá. Nếu nuôi ốc hương không theo quy hoạch sẽ gây ô nhiễm cho môi trường đầm phá và xuất hiện dịch bệnh.

Việc quản lý mặt nước CNNC NCL Vinh Hiền còn gặp một số khó khăn sau:

- Quyền khai thác mặt nước chưa được cấp cho Chi hội;

- Chưa có quy hoạch cụ thể chia mặt nước thành các vùng chuyên biệt;

- Sự thiếu ý thức của một số hội viên trong hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản làm cho môi trường đầm phá ô nhiễm;
 - Việc phân chia mặt nước giữa hai chi hội và giữa hai xã Lộc Bình và Vinh Hiền chưa rõ ràng;
 - Thiếu việc quản lý tổng thể đầm Hải Phú.
- Bản đồ thực trạng về khai thác và nuôi trồng thủy sản (NTTS) (không có phân vùng) nằm ở Phụ lục 6.

PHẦN 3

KHU VỰC ĐỊA LÝ ĐỀ XUẤT GIAO QUYỀN KHAI THÁC THỦY SẢN

3.1 Cơ sở pháp lý

Quy chế đồng quản lý thủy sản đầm phá thông qua giao quyền sử dụng mặt nước được thực hiện dựa trên căn cứ:

- Quyết định số 347/QĐ ngày 23/5/1992 của Ủy ban Khoa học Nhà nước về việc ban hành tiêu chuẩn phân cấp kỹ thuật đường thủy nội địa;

- Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Thủy Sản về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2005 về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản;

- Thông tư số 15/2009/TT-BNN ngày 17 tháng 3 năm 2009 của Bộ Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn về ban hành Danh mục thuốc, hóa chất, kháng sinh cấm sử dụng, hạn chế sử dụng;

- Công văn số 1017/BNN-KTBVNL ngày 20/4/2009 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn về việc tăng cường công tác quản lý môi trường và nguồn lợi thủy sản;

- Nghị định số 31/2010/NĐ-CP ngày 29/3/2010 của Chính Phủ về việc ban hành quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực thủy sản;

- Thông tư số 20/2010/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 4 năm 2010 của Bộ Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn về việc bổ sung, sửa đổi Thông tư số 15/2009/TT-BNN ngày 17/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn ban hành Danh mục thuốc, hóa chất, kháng sinh cấm sử dụng, hạn chế sử dụng;

- Quyết định số 3677/QĐ-UB ngày 25/10/2004 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể quản lý khai thác thủy sản vùng đầm phá Thừa Thiên Huế đến năm 2010;

- Quyết định số 4260/2005/QĐ-UBND ngày 19/12/2005 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế Ban hành Quy chế Quản lý khai thác thủy sản đầm phá Thừa Thiên Huế;

- Hướng dẫn số 159/HD-STS ngày 26/04/2006 của Sở Thủy sản tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện Quy chế quản lý khai thác thủy sản đầm phá Thừa Thiên Huế;

- Công văn số 2011/UBND-NN ngày 08/5/2009 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc tăng cường công tác quản lý môi trường và nguồn lợi thủy sản;

- Công văn số 4818/UBND-NN, ngày 15/10/2009 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc tăng cường kiểm tra, kiểm soát, quản lý nghề “Lừ xếp” khai thác trên đầm phá;

- Quyết định số 1135/QĐ-UBND ngày 17/6/2010 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Kế hoạch giải tỏa và sắp xếp lại nò sáo trên đầm phá Huyện Phú Lộc năm 2010;

- Đề án số 809/DA-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2006 của UBND Huyện Phú Lộc về việc quy hoạch, sắp xếp các nghề nò sáo, đáy khai thác thủy sản tự nhiên trên đầm phá Cầu Hai, huyện Phú Lộc;

- Kế hoạch số 31/KH-UBND, ngày 24/2/2010 của UBND Huyện Phú Lộc về việc triển khai sắp xếp và chuyển đổi nò sáo đầm Cầu Hai, Huyện Phú Lộc - Tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Kế hoạch số 18/KH-BCĐ, ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Ban Chỉ Đạo và Sắp Xếp Lại Nò Sáo Huyện Phú Lộc về việc triển khai thực hiện giải tỏa và sắp xếp lại nò sáo trên đầm phá Cầu Hai, Huyện Phú Lộc (giai đoạn 2) năm 2010.

3.2 Tọa độ địa lý của các vùng trong phạm vi giao quyền sử dụng mặt nước

Phần này cung cấp tọa độ/bản đồ chính xác phân định vùng thuộc phạm vi giao quyền khai thác. Tọa độ được cung cấp theo dạng vĩ độ/ kinh độ thập phân trên hệ WGS84 (nếu khác sẽ có ghi chú). Xem bản đồ phân vùng trong phụ lục 7.

3.2.1 Khu vực đề xuất giao quyền cho CHNC

Khu vực đề xuất giao quyền cho CHNC NCL Vinh Hiền gồm hai vùng, một vùng nằm trong đầm Cầu Hai và vùng còn lại nằm ở vùng đầm Hải Phú.

Vùng ở đầm phá Cầu Hai được giới hạn bởi các điểm sau và đường ranh giới giữa hai xã Lộc Bình –Vinh Hiền và đường bờ tự nhiên.

Điểm	Ký hiệu mốc	Vĩ độ	Kinh độ	Ghi chú
1	LB-VH1	16.354469	107.919616	
2	LB-VH2	16.353835	107.916418	
3	LB-VH3	16.330388	107.907944	Mốc số 8
4	F1	16.331137	107.907472	Mốc phân cách hai CH
5	F2	16.334994	107.905041	Mốc phân cách hai CH
6	F3	16.338850	107.902610	Mốc phân cách hai CH
7	F4	16.344569	107.899041	Mốc F4

Vùng được giao quyền thuộc đầm Hải Phú được giới hạn các điểm sau và đường bờ tự nhiên.

Điểm	Ký hiệu mốc	Vĩ độ	Kinh độ	Ghi chú
1	1HP	16.342704	107.943561	Cắm cọc bê tông
2	2HP	16.341313	107.941617	Cắm cọc bê tông
3	3HP	16.343693	107.934179	Cắm cọc bê tông
4	4HP	16.346477	107.929762	Cắm cọc bê tông
5	5HP	16.353610	107.922859	Cắm cọc bê tông

Tổng diện tích mặt nước đầm phá đề xuất giao quyền cho Chi hội Nghề cá Nuôi cá lồng Vinh Hiền là 224 ha và có các vùng chuyên biệt như sau:

Diện tích mỗi vùng chức năng thuộc CHNC nuôi trồng thủy sản
(tính đến ngày 20/12/2010)

STT	Vùng	Số vùng chuyên biệt	Diện tích (ha)
1	Tuyến giao thông thủy*	--	27,0
2	Vùng đệm ranh giới xã	--	40,0
3	Vùng đệm bờ	--	36,0
4	Vùng nuôi cá lồng	2	8,0
	- Tiểu vùng nuôi cá lồng I	1	3,0
	- Tiểu vùng nuôi cá lồng II	1	5,0
5	Vùng nuôi nhuyễn thể	2	4,5
	- Tiểu vùng nuôi nhuyễn thể I	1	2,0
	- Tiểu vùng nuôi nhuyễn thể II	1	2,5
6	Vùng nuôi ốc hương (Hải Phú)		6,0
7	Vùng khai thác chung	2	129,5
	- Vùng khai thác chung A	1	114,0
	- Vùng khai thác chung loại C(Hải Phú)	1	15,5
8	Cộng		224,0

3.2.2 Vùng thủy lộ, vùng đệm ranh giới xã và vùng đệm đường bờ

- Vùng thủy lộ căn cứ vào tọa độ chính thức do Đoàn quản lý Đường sông của Sở Giao thông Tỉnh cung cấp để xác định. Chiều rộng của các tuyến thủy lộ cấp quốc gia là 120m, và của các tuyến ở Cầu Hai là 100m. Độ rộng này bao gồm tuyến lõi (70m đối với tuyến quốc gia, 50m đối với tuyến địa phương) và dải đệm thủy lộ (25m cho mỗi bên tính từ tuyến lõi), phù hợp với

quy định của Nhà nước (Quyết định 347/QĐ ngày 23/05/1992). Vùng thủy lộ này có diện tích 27 ha, được quản lý bởi Sở Giao Thông Vận Tải.

- Ranh giới xã xác định theo tọa độ chính thức do UBND huyện cấp và bản đồ địa hình chính thức tỉ lệ 1:25.000. Dải đệm 150m (mỗi bên 75m) được áp dụng đồng bộ cho cả vùng Cầu Hai theo Quy định của huyện (Kế hoạch 88/KH-UBND vào ngày 31/5/2010). Diện tích của dải đệm ranh giới xã là 40ha.

- Vùng đệm ven bờ đầm phá xác định theo quy định của Tỉnh và Huyện, quy định ở Vinh Hiền, vùng đệm cách bờ đầm phá 200m (Quyết định số 4260/2005/QĐ-UBND, ngày 19/12/2005 và Kế hoạch 88/KH-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2010). Diện tích của vùng này là 36 ha.

3.2.3 Vùng nuôi cá lồng

Có 2 tiểu vùng nuôi cá lồng có diện tích 8 ha được xác định bởi các điểm ở các bảng sau:

Tiểu vùng nuôi cá lồng I (3 ha)

Điểm	Ký hiệu mốc	Vĩ độ	Kinh độ
1	LI.1	16.343198	107.908108
2	LI.2	16.343511	107.907771
3	LI.3	16.347410	107.911667
4	LI.4	16.347097	107.912003

Tiểu vùng nuôi cá lồng II (5ha)

Điểm	Ký hiệu mốc	Vĩ độ	Kinh độ
1	LII.1	16.352916	107.913685
2	LII.2	16.354023	107.912668
3	LII.3	16.356373	107.916785

3.2.4 Vùng nuôi nhuyễn thể

Vùng nuôi nhuyễn thể có diện tích 4,5 ha và chia thành 2 tiểu vùng nuôi nhuyễn thể xác định bởi các điểm sau:

Tiểu vùng nuôi nhuyễn thể I (2 ha)

Điểm	Ký hiệu mốc	Vĩ độ	Kinh độ
1	NTI.1	16.344811	107.909070
2	NTI.2	16.345125	107.908733
3	NTI.3	16.347724	107.911330
4	LI.3	16.347410	107.911667

Tiểu vùng nuôi nhuyễn thể II (2,5 ha)

Điểm	Ký hiệu mốc	Vĩ độ	Kinh độ
1	NTII.1	16.349451	107.913797
2	NTII.2	16.350267	107.912814
3	NTII.3	16.351476	107.913891
4	NTII.4	16.350650	107.914870

3.2.5 Vùng nuôi ốc hương

Vùng nuôi ốc hương có diện tích 6,0 ha, được xác định bởi các điểm sau:

Điểm	Ký hiệu mốc	Vĩ độ	Kinh độ
1	FB1	16.343315	107.934991
2	FB2	16.344515	107.935538
3	VH-LB2	16.341517	107.942240

3.2.6 Vùng khai thác chung

Vùng khai thác chung về nguyên tắc là tất cả diện tích mặt nước không thuộc bất kỳ vùng chuyên biệt nào trên đây thuộc mặt nước của CHNC NCL Vinh Hiền. Chi hội có hai vùng khai thác chung gồm vùng khai thác chung A thuộc đầm phá Cầu Hai có diện tích 114,0 ha, vùng này cho phép khai thác ngư cụ di động và chuôm đá. Vùng khai thác chung loại C thuộc đầm Hải Phú có 15,5 ha cho phép khai thác lưới rê và giữ các lồng cá khi đầm Cầu Hai có độ mặn thấp và thời gian kéo dài hơn một tuần.

PHẦN 4

PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ NGHỀ NGHIỆP VÀ QUẢN LÝ NGUỒN LỢI THỦY SẢN ĐÀM PHÁ

4.1 Quy chế quản lý tài nguyên vùng đầm đối với mỗi vùng chuyên biệt

Mỗi vùng chức năng có một quy chế riêng biệt quy định nghề nào được phép hoạt động và hoạt động theo phương thức nào. Nguyên tắc chung áp dụng ở CHNC NCL Vinh Hiền như sau:

- Tất cả người sử dụng mặt nước mà có ngư cụ cố định phải là hội viên CHNC NCL Vinh Hiền, họ phải đăng ký ngư cụ và hoạt động của mình để chi hội giám sát và quản lý và phải đóng đầy đủ phí sử dụng tài nguyên theo yêu cầu;

- Người ngoài CHNC chỉ được phép khai thác di động ở vùng quy định khi đã đăng ký và đóng phí sử dụng tài nguyên đầy đủ cho CHNC, và có trách nhiệm tuân thủ nghiêm túc các quy định của CHNC;

- Người sử dụng mặt nước chi hội không sử dụng hóa chất cấm hoặc hóa chất chưa rõ nguồn gốc, chưa qua thẩm định để giặt ngư cụ KTTS. Không xả, thải hóa chất độc hại vào vùng nước đầm phá;

- Hội viên của chi hội phát sinh nuôi cá lồng và nuôi nhuyễn thể trên mặt nước của chi hội phải đăng ký với CHNC, trách nhiệm của chi hội phải báo cáo kịp thời cho UBND xã để chỉ đạo thực hiện.

4.1.1 Vùng thủy lộ, vùng đệm ranh giới xã và đệm ven bờ đầm phá

- Không được phép tiến hành các hoạt động NTTS và hoạt động đánh bắt trong phạm vi thủy lộ để tàu thuyền lưu thông được dễ dàng.

- Không được phép tiến hành các hoạt động NTTS và đặt ngư cụ cố định trong vùng đệm ranh giới xã, để tránh mọi xung đột liên quan đến ranh giới xã.

- Không cho phép ngư cụ cố định hoạt động trong vùng đệm ven bờ đầm phá để đảm bảo lưu thông nước và bảo vệ cá con. Ngoại trừ chuôm tre đã được CHNC cho phép.

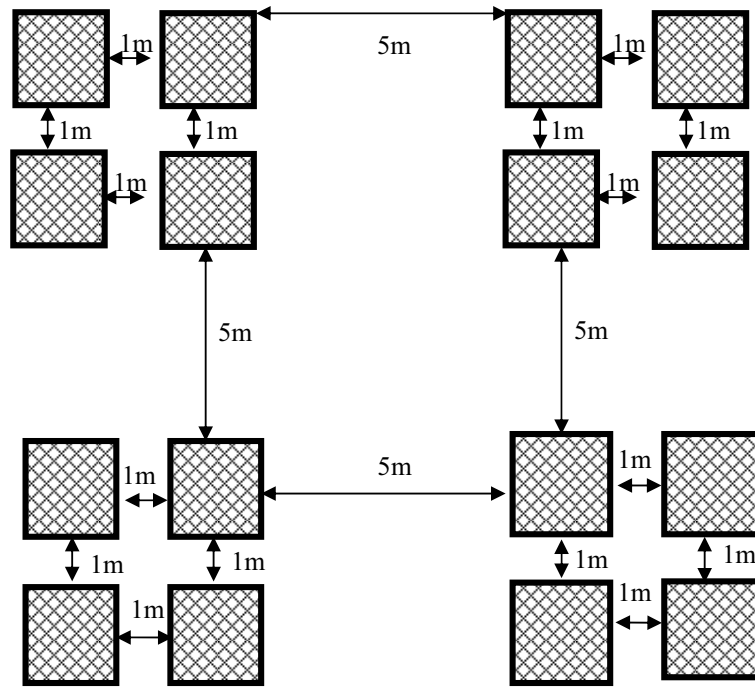
4.1.2 Nuôi cá lồng

- Tất cả lồng phải được đặt trong các tiểu vùng lồng do CHNC Nuôi cá lồng quản lý;

- Tổng số lồng tối đa là 1000 lồng, trong đó 600 lồng tiểu vùng nuôi cá lồng I và 400 lồng tiểu vùng nuôi cá lồng II;

- Số lồng tối đa của mỗi hộ được phép nuôi là 10 lồng/hộ;

- Cỡ lồng tiêu chuẩn là 2x3x1,5m (rộngxđàixcao);
- Khoảng cách tối thiểu giữa các lồng liền kề là 1m;
- Khoảng cách tối thiểu giữa hai dãy lồng là 5m;
- Khoảng cách tối thiểu giữa đáy lồng và đáy đầm phá phải là 40 cm;
- Đối tượng nuôi mới phải được sự cho phép của cả CHNC nuôi cá lồng và cơ quan có thẩm quyền;
- Chủ lồng không được thải rác bừa bãi vào các thủy vực đầm phá.
- **Sơ đồ tiểu vùng nuôi cá lồng**



4.1.3 Vùng nuôi nhuyễn thể

- Vùng dùng để nuôi ốc hương và các loài hai mảnh như trìa mỡ, ngao...
- Tổng số lồng nuôi ốc hương tối đa là 150 lồng;
- Diện tích tối đa của mỗi lồng là 50m², tương ứng với kích thước tối đa là 5mX10m, chiều cao từ 1- 2m tùy theo độ sâu;
- Khoảng cách giữa hai lồng liền kề là 5m;
- Tuân thủ lịch thời vụ do cơ quan nhà nước ban hành;
- Giống phải kiểm tra chất lượng trước khi thả.

4.1.4 Vùng nuôi ốc hương

- Vùng này chỉ dành riêng cho nuôi ốc hương;
- Tổng số lượng lồng tối đa 100 lồng;
- Các quy định cụ thể như quy định nuôi ốc hương ở vùng nuôi nhuyễn thể.

4.1.5 Vùng khai thác chung

- Hội viên CHNC và người ngoài CHNC đều được phép khai thác di động trong vùng này và phải đóng đầy đủ phí sử dụng tài nguyên và tuân thủ nghiêm ngặt quy chế của CHNC.

- Hội viên CHNC và người ngoài CHNC đóng phí đầy đủ cho CHNC NCL Vinh Hiền cũng được phép hoạt động trên vùng khai thác chung B của CHNC ĐPVH.

- Hội viên CHNC và người ngoài chi hội đóng phí đầy đủ cho CHNC NCL Vinh Hiền cũng được phép hoạt động trên vùng khai thác chung B của CHNC ĐPVH

- Hội viên CHNC và người ngoài CHNC thuộc CHNC Lộc Bình 3 đóng phí theo quy định đối với khai thác di động cho CHNC Lộc Bình 3 được phép khai thác di động (trừ nghề lừ) ở vùng khai thác chung C thuộc CHNC NCL Vinh Hiền mà không phải đóng phí thêm cho CHNC NCL Vinh Hiền.

- Mặc dù người ngoài hội viên được phép khai thác di động trong vùng khai thác chung nhưng phải ưu tiên giữ lại lừ cho các hội viên CHNC khi có yêu cầu phải giảm số lượng lừ trong tương lai.

Vào cuối năm, số tiền thu được sẽ báo cáo lên ban đồng quản lý và chia cho hai chi hội tùy theo số người đăng ký vào khai thác trên mặt nước từng chi hội;

4.1.5.1 Vùng khai thác chung A

Tiểu vùng khai thác chung A cho phép đặt chuôm đá và ngư cụ di động như lừ, lưới rê, soi, câu và dậu. Quy định cụ thể như sau:

a. Chuôm đá được quy định như sau:

- Không khuyến khích phát triển thêm chuôm đá;
- Diện tích tối đa của trộ chuôm đá là 1,5m²;
- Hai trộ chuôm liền kề cách nhau tối thiểu 5m;
- Số lượng chuôm đá tối đa của 1 hộ từ 30-50 trộ/hộ.
- Số lần khai thác tối đa 10 lần/năm;
- Vùng giành cho chuôm đá là những vùng còn cạn (Vùng có độ sâu từ mặt nước đến đáy không quá 1,2m).

b. Lừ

- Số lượng lừ tối đa mỗi hộ chuyên làm nghề lừ được phép sử dụng là 60 cheo/hộ;¹

¹ Tạm thời quy định như vậy, về lâu về dài thì lừ phải theo quy định của tỉnh hoặc huyện.

- Số lượng lừ tối đa mỗi hộ làm nghề lừ kiêm thêm nghề khác (không phải nghề nò sáo) là 30 cheo/hộ;²
- Chiều dài tối đa của một cheo lừ là 10m;
- Mắt lưới tối thiểu của lưới lừ là $2a=18\text{mm}$;
- Kích cỡ khung lồng sắt hình chữ nhật là 34cm (rộng) và 22cm(cao);
- Không được đặt lừ ở chỗ nước có độ sâu dưới 0,8 m;
- Ban ngày phải có phao báo hiệu điểm đặt lừ và ban đêm có phao báo sáng để dễ nhận biết trên mặt nước.

c. Lưới rê

- Số lượng lưới rê tối đa mỗi hộ chuyên làm nghề lưới rê được phép sử dụng là 30 tay/hộ;
- Số lượng lưới rê tối đa mỗi hộ làm nghề lưới rê kiêm thêm nghề khác là 20 tay /hộ;
- Chiều dài (là điểm đầu của phao này đến điểm cuối của phao kia hoặc là hai điểm nối liền kề trong một vầng lưới) tối đa một tay lưới là 50m;
- Kích cỡ tối thiểu đối với mắt lưới của lưới rê là $2a=40\text{mm}$.

d. Dây

- Số lượng tối đa là 1 dây/hộ.
- Đường kính của dây không vượt quá 50m.

e. Soi, Câu

- Soi, câu phải cách các khu vực NTTS, chuôm đá tối thiểu 15m;

4.1.5.2 Vùng khai thác chung loại C

- Chỉ có hội viên của chi hội được phép khai thác trong vùng này;
- Vùng khai thác chung loại C của CHNC NCL vùng sử dụng chung cho loại ngư cụ di động là lưới rê và soi, câu.

a. Lưới rê

- Cho phép khai thác thủy sản bằng lưới rê;
- Số lượng đối với chuyên lưới rê là 20 tay, và không chuyên 10 tay;
- Chiều dài mỗi tay không vượt quá 50m;
- Số hộ khai thác trong 1 đêm không vượt quá 5 hộ;
- Kích cỡ tối thiểu đối với mắt lưới của lưới rê là $2a=40\text{mm}$.

² Tạm thời quy định như vậy, về lâu về dài thì lừ phải theo quy định của tỉnh hoặc huyện.

b. Soi, Câu

Soi, câu phải cách các khu vực NTTS tối thiểu 15m.

c. Ngoài ra, các lồng cá ở trong khu vực có độ mặn thấp và thời gian kéo dài thì cho phép di chuyển cá đến tiêu vùng khai thác chung này để giữ cá và được sự cho phép của chi hội trước khi di chuyển.

4.2 Quy định về hệ thống phí sử dụng tài nguyên

Ngư cụ	Phí sử dụng tài nguyên (VND/năm)		Ghi chú
	Hội viên	Ngoài hội viên	
Lồng	10.000/lồng	Không được phép	
Ốc hương	10.000/lồng	Không được phép	
Lừ			
Chuyên lừ	300.000/hộ	600.000/hộ	
Không chuyên lừ	150.000/hộ	300.000/hộ	
Lưới rê			
Chuyên nghề lưới	120.000/hộ	240.000/hộ	
Không chuyên	60.000/hộ	120.000/hộ	
Soi	30.000/hộ	60.000/hộ	
Câu			
Lưới rê	50.000/hộ	Không được phép	Đầm Hải Phú
Soi	30.000/hộ	Không được phép	
Câu			

- Tiền thu từ phí sử dụng tài nguyên nêu trên áp dụng theo quy định của Bộ tài chính. UBND xã Vinh Hiền ủy quyền cho CHNC NCL Vinh Hiền trực tiếp thu phí sử dụng tài nguyên. Phần trăm tiền thu trích lại cho chi hội hoạt động theo thỏa thuận giữa UBND xã và chi hội tùy từng điều kiện cụ thể.

- Người sử dụng tài nguyên nên đóng phí trực tiếp cho CHNC trước khi khai thác và/ hoặc tiến hành NTTS;

- Thu phí sử dụng tài nguyên trong quý I trong năm ;

- Thời hạn hiệu lực của quyền đánh cá đi kèm phí sử dụng tài nguyên là một năm kể từ ngày đóng phí;

- Nguồn thu từ người khai thác di động (lưới rê, soi, câu) ở đầm Hải Phú sẽ làm quỹ chung cho CHNC Lộc Bình 3 và CHNC NCL Vinh Hiền để hai bên cùng quản lý vùng khai thác chung của hai chi hội;

- Báo cáo tài chính mỗi năm sẽ do BCH CHNC làm, trình bày chi tiết tình hình thu, chi và số dư của Chi hội;
- CHNC sẽ chuẩn bị và trình bày kế hoạch ngân sách cho năm sau vào cuối mỗi năm và lấy ý kiến của hội viên để chuẩn y trong các cuộc họp lớn hoặc đại hội;
- Hệ thống phí sử dụng trên đây có thể thay đổi mỗi năm tùy theo quyết định được Đại hội nhất trí.

4.3 Quy chế xử lý vi phạm

- Khi phát hiện có sự vi phạm quy chế trong mặt nước CHNC NCL Vinh Hiền thì CHNC và đội tuần tra có quyền lập biên bản và tạm giữ ngư cụ, dụng cụ NTTS như một hình thức phạt;
- CHNC hoặc đội tuần tra có thể tạm giữ ngư cụ và dụng cụ NTTS vi phạm quy chế mà không cần phải thông báo trước cho chủ nhân;
- Chi hội phải tổ chức bảo quản các tang vật đã tạm giữ (nếu được ủy quyền của UBND xã), người vi phạm nhận lại tang vật phải trả chi phí bảo quản cho chi hội.
- Quyết định xử lý ngư cụ và dụng cụ NTTS và mức độ phạt sẽ theo các nguyên tắc sau:
 - a) Nếu vi phạm thuộc phạm vi quy định cấp quốc gia, và nếu phải áp dụng các chế tài hành chính thì mức phạt sẽ theo quy định tại nghị định số 31/2010/NĐ-CP quy định mức xử phạt hành chính trong lĩnh vực thủy sản;
 - b) Các vi phạm khác sẽ do CHNC và UBND xã xử lý theo các nguyên tắc sau đây:
 - Vi phạm lần thứ nhất: đội tuần tra lập biên bản và khiển trách trước phân hội;
 - Vi phạm lần thứ hai: đội tuần tra lập biên bản và hội viên vi phạm phải nộp 50.000đ vào quỹ chi hội, riêng hội viên làm nghề lừ vi phạm phải nộp 100.000đ vào quỹ chi hội;
 - Vi phạm lần thứ ba: đội tuần tra lập biên bản và chuyển lên UBND xã Vinh Hiền xử lý theo pháp luật và bị khai trừ khỏi CHNC
 - c) Các nguyên tắc trên cũng được áp dụng đối với người ngoài hội viên. Riêng đối với lần vi phạm thứ 3 sẽ bị lập biên bản chuyển lên UBND xã Vinh Hiền xử lý theo pháp luật và bị cấm khai thác trong vùng mặt nước của CHNC.
 - d) Nếu vi phạm nghiêm trọng, chi hội sẽ trình lên cấp có thẩm quyền xử lý;
 - e) Tất cả các trường hợp vi phạm sẽ báo cáo lên BĐQL trong các cuộc họp định kỳ.

4.4 Quy chế hoạt động đội tuần tra

- Hoạt động dưới sự điều phối của Ban chấp hành CHNC;
- Phải chấp hành sự điều động của tổ trưởng đội tuần tra khi có yêu cầu tuần tra;
- Phải đảm bảo bí mật, đúng giờ, đúng nơi quy định, có đủ các trang bị, dụng cụ được phân công;
- Phải đeo băng đỏ khi tham gia tuần tra;
- Phải thực hiện đúng quy chế và điều lệ chi hội cũng như chính sách và pháp luật của nhà nước;
- Phải tuân thủ những quy định trên. Nếu vi phạm những quy định trên quá lần sẽ bị khai trừ ra khỏi đội tuần tra. Quá trình khai trừ BCH phải lập biên bản gửi UBND xã và Ban ĐQL xã để ra quyết định cuối cùng, đồng thời có quyết định cho CHNC bầu bổ sung thành viên mới vào đội tuần tra.

4.5 Quy chế quản lý xung đột

Xung đột xảy ra thuộc thẩm quyền chi hội thì BCH chi hội sẽ căn cứ điều lệ, quy chế để giải quyết. Những xung đột mà CHNC xét thấy vượt quá thẩm quyền thì sẽ chuyển lên UBND xã giải quyết, hoặc xin ý kiến chuyển tiếp lên cấp có thẩm quyền để xử lý theo pháp luật.

4.6 Phối hợp với các quy chế khác của CHNC

Nếu quy chế này và các quy chế hiện hành khác của CHNC có sự mâu thuẫn hoặc bất đồng thì sẽ xử theo quy chế này.

4.7 Điều chỉnh quy chế

Nếu thấy cần thì CHNC, UBND xã hoặc bất kỳ cơ quan nào có liên quan đều có thể đề xuất điều chỉnh quy chế này. Việc điều chỉnh phải được cả năm bên, tức CHNC NCL Vinh Hiền, UBND xã Vinh Hiền, CHNC Lộc Bình 3, UBND xã Lộc Bình và UBND huyện Phú Lộc nhất trí.

PHẦN 5

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG

Phần này trình bày chi tiết và lịch trình các hoạt động sau khi đã giao quyền cho CHNC; hoạt động gồm triển khai (đăng ký và thu phí), giám sát và chấp pháp (tuần tra), các nỗ lực bảo vệ, tuyên truyền và các hoạt động khác.

5.1 Kế hoạch hoạt động chung và lịch thực hiện

Thời gian giao quyền sử dụng mặt nước ở Lộc Bình theo dự kiến là 5 năm theo Quyết định số 3677/QĐ-UB. Lịch trình thực hiện mỗi hoạt động (thông tin chi tiết sẽ nêu trong các phần sau) trình bày ở bảng dưới:

Hoạt động	2011	2012	2013	2014	2015	Đơn vị thực hiện
Đăng ký người sử dụng và thu phí	T1-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T12	CHNC
Ban đồng quản lý tính toán nguồn thu và phân bổ phí thu từ ngư cụ di động	T12	T12	T12	T12	T12	Các CHNC, UBND xã
Sắp xếp lại NTTS theo kế hoạch phân vùng của CHNC	T1-T12					CHNC, UBND xã
Tuần tra mặt nước đầm phá	T1-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T12	CHNC, UBND xã
Làm vệ sinh đầm phá	2lần/năm	2lần/năm	2lần/năm	2lần/năm	2lần/năm	CHNC, UBND xã
Thả giống vào đầm phá (để tăng lượng cá)	1lần/năm	1lần/năm	1lần/năm	1lần/năm	1lần/năm	CHNC, UBND xã
Các hoạt động tuyên truyền	T1-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T12	CHNC, UBND xã
Cắm mốc bổ sung	T1-T12					CHNC
Các hoạt động kinh tế của CHNC	T1-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T12	CHNC
Gia hạn quyền khai thác thủy sản					T11-T12	CHNC, UBND xã, Phòng NN

5.2 Đăng ký người sử dụng và thu phí

Người sử dụng sẽ đăng ký ban đầu với CHNC và đóng đủ phí sử dụng tài nguyên trong vòng 3 tháng kể từ ngày được giao quyền, mặc dù quá trình đăng ký người sử dụng vẫn liên tục thực hiện suốt năm. Khi được giao quyền, CHNC sẽ tổ chức một cuộc họp lớn để thông báo đến tất cả hội viên CHNC về phí sử dụng tài nguyên, thúc đẩy đăng ký và đóng phí. CHNC cũng sẽ tìm cách báo cho người ngoài hội biết chi hội có chế độ và nghĩa vụ đăng kí nghề và đóng phí.

5.3 Sắp xếp lại hoạt động NTTS

Sắp xếp lại hoạt động NTTS theo dự kiến sẽ thực hiện vào tháng 1 năm 2011 theo kế hoạch phân vùng như đã nêu trong quy chế này.

5.4 Tuần tra trên mặt nước đầm phá

CHNC NCL đã tổ chức một đội tuần tra đầm phá gồm 7 thành viên: 6 hội viên CHNC, 1 công an. Sau khi giao quyền sử dụng mặt nước chi hội tổ chức tuần tra 2 lần/tháng; việc tuần tra sẽ thực hiện ngẫu nhiên và có hợp tác chặt chẽ với UBND xã. Đội tuần tra sẽ không thông báo lịch tuần tra cho ngư dân nhằm đảm bảo hiệu quả công việc.

5.5 Các hoạt động bảo vệ và bảo tồn

Sau khi giao quyền sử dụng mặt nước, CHNC sẽ tiến hành vệ sinh môi trường đầm phá một năm hai lần, có hội viên CHNC tham gia đầy đủ cùng các trường học địa phương; đây là một cách giáo dục cho học sinh ý thức về môi trường.

CHNC cũng tiến hành hoạt động thả tài nguyên cá giống vào đầm phá (nhằm tái tạo tài nguyên) ít nhất một năm một lần nhằm duy trì lượng cá ở đầm phá. Thành phần loài sẽ quyết định từng tùy theo góp ý của nhiều bên có liên quan. Tránh thả các loại giống lạ.

5.6 Các hoạt động tuyên truyền

CHNC NCL từ trước đến nay đã vận động người dân trong khu vực và tổ chức nhiều cuộc họp và sự kiện để quảng bá hình ảnh của chi hội, các hoạt động và quy chế hội. Sau khi được giao quyền sử dụng mặt nước, chi hội sẽ cố gắng nâng cao nhận thức của người dân địa phương và người sử dụng tài nguyên bằng các hình thức:

- Tổ chức các cuộc họp lớn và tập huấn;
- Tổ chức các lễ hội truyền thống nghề cá;
- Vệ sinh đầm phá một năm hai lần;

- Phát tờ rơi để nâng cao ý thức bảo vệ đầm phá và tầm quan trọng của CHNC;

- Cấm biển báo hiệu và/ hoặc áp phích ở các vị trí chiến lược để thông tin thêm về các hóa chất cấm, các hoạt động khai thác phi pháp, các loài cần bảo vệ, kích cỡ thu hoạch, và phân vùng cũng như quy chế CHNC;

- Phân bổ thông tin qua loa phóng thanh, và nếu được là qua đài phát thanh và/hoặc truyền hình.

5.7 Cấm mốc bổ sung

Các vùng nuôi lồng đề cập trong đề án này sẽ cấm mốc báo hiệu bằng bê-tông hoặc tre vào tháng 1 năm 2011.

5.8 Các hoạt động kinh tế của CHNC

Các hoạt động kinh tế cải thiện thu nhập của CHNC trong quản lý đầm phá và nâng cao lợi ích cho hội viên CHNC khác sẽ được lên lịch cụ thể.

PHỤ LỤC

1. Quyết định của Tỉnh hội về thành lập CHNC
2. Điều lệ hội
3. Danh sách thành viên BCH
4. Danh sách hội viên CHNC
5. Thỏa thuận về thành lập ban đồng quản lý (đã ký)
6. Bản đồ thực trạng ngư cụ và NTTS
7. Bản đồ phân vùng mặt nước CHNC (gồm các vùng chức năng)

ĐƠN VỊ XIN CẤP QUYỀN

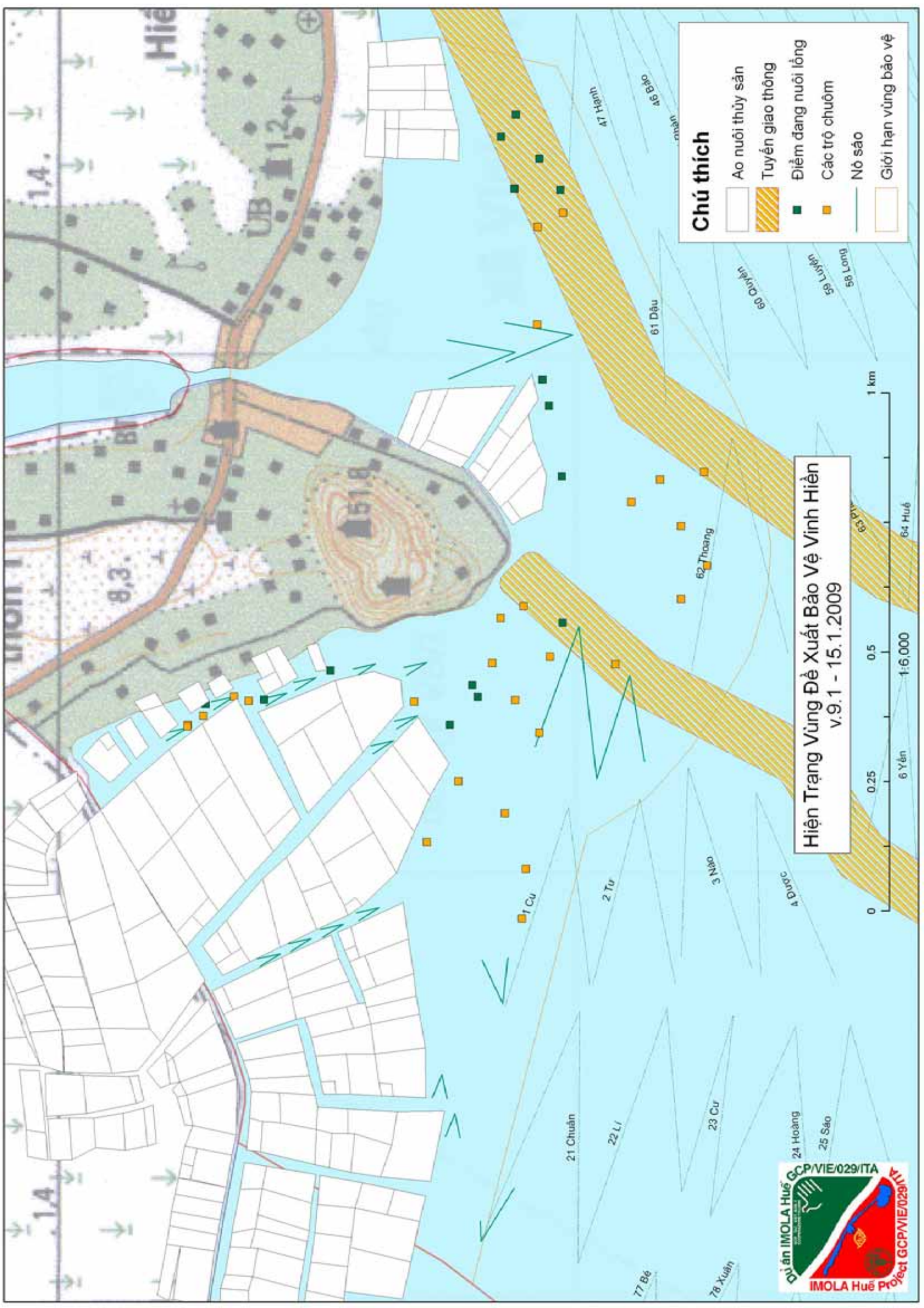
**TM. CHNC NUÔI CÁ LỒNG VINH HIỀN
CHỦ TỊCH**

**TM. UBND XÃ VINH HIỀN
CHỦ TỊCH**

Lê Thiết

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN KỸ THUẬT
DỰ ÁN IMOLA**

Massimo Sarti



Chú thích

	Ao nuôi thủy sản
	Tuyến giao thông
	Điểm đang nuôi lồng
	Các trờ chườm
	Nô sào
	Giới hạn vùng bảo vệ

Hiện Trạng Vùng Đề Xuất Bảo Vệ Vinh Hiện
v.9.1 - 15.1.2009





BẢN ĐỒ CẤP QUYỀN KHAI THÁC THỦY SẢN CHNC ĐÀM PHÁ VINH HIỀN VÀ CHNC NUÔI CÁ LỒNG VINH HIỀN XÃ VINH HIỀN



CHNC Đầm Phá Vinh Hiền
Trần Xuân Tâm

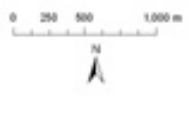
CHNC Nuôi Cá Lồng Vinh Hiền
Lê Thế

UBND Xã Vinh Hiền

Phòng NN&PTNT Huyện Phú Lộc

Phòng TH&MT Huyện Phú Lộc

Ủy Ban Nhân Dân Huyện Phú Lộc



BẢN ĐỒ CẤP QUYỀN KHAI THÁC THỦY SẢN CHNC ĐÀM PHÁ VINH HIỀN VÀ CHNC NUÔI CÁ LỒNG VINH HIỀN XÃ VINH HIỀN



CHNC Đầm Phá Vinh Hiền
Trần Xuân Tâm

CHNC Nuôi Cá Lồng Vinh Hiền
Lê Thế

UBND Xã Vinh Hiền

Phòng NN&PTNT Huyện Phú Lộc

Phòng TH&MT Huyện Phú Lộc

Ủy Ban Nhân Dân Huyện Phú Lộc

